

THERAVĀDA



LUẬT TẬP YẾU
KHUDDASIKKHĀ

GIẢNG SƯ
SAYADAW U KUNḌADHĀNA

BHIKKHU PAVARADHAMMIKA
PHIÊN DỊCH VÀ HIỆU ĐÍNH

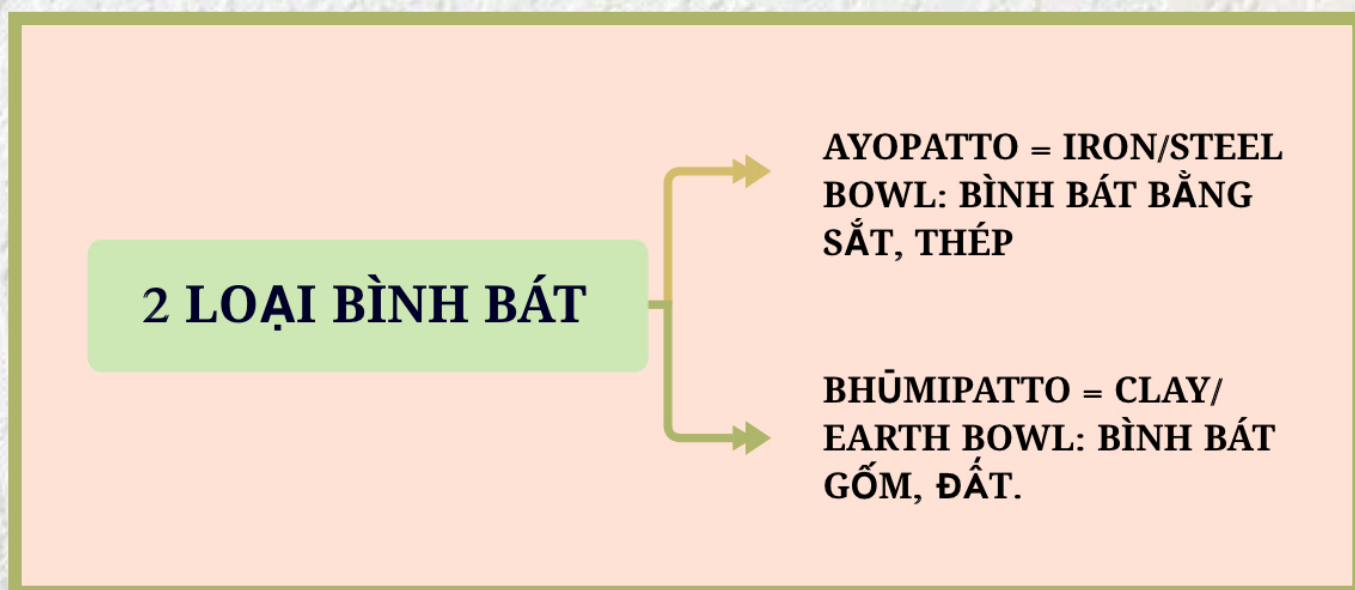
BUỔI 15

DIỆU NHẪN CHUYỂN DỊCH
NGUYỄN NHƯ TRÌNH BÀY

CHƯƠNG PATTANIDDESO - BÌNH BÁT

Tuần trước thì Ngài Sayadaw đã giảng cho chúng ta về hai loại bình bát:

1. **Ayopatto** = *iron/steel bowl*: Bình bát bằng sắt, thép.
2. **Bhūmipatto** = *clay/earth bowl*: Bình bát gốm, đất.



Mỗi loại bình bát sẽ có ba kích cỡ: bình bát cỡ lớn, cỡ trung và cỡ nhỏ.

Bình bát nguyện thì kích cỡ không được quá lớn và quá nhỏ. Giống như ở Việt Nam hay Trung Quốc thì chúng ta vẫn hay sử dụng bát, chén nhỏ để ăn cơm. Tỳ-kheo vẫn được phép sử dụng chén này để ăn nhưng không được phép dùng để chú nguyện. Đức Phật luôn luôn dạy cho các đệ tử phải tri túc trong vật thực và ăn uống bởi vì nếu ăn quá nhiều sẽ không thể hành thiền được.

Trong quyển sách vua Milinda vấn đạo, khi ấy nhà Vua đã hỏi Tôn Giả Nagasana rằng:

“Thưa Ngài! Đức Phật luôn luôn chỉ bảo các hàng đệ tử phải luôn luôn tri túc trong việc thọ thực. Nhưng trong một số bài kinh con lại thấy Đức Phật nói rằng: Ta đã thọ thực cả một cái bình bát. Với kích cỡ bình bát lớn như vậy mà Đức Phật đã dùng hết tức là Ngài đã thọ dụng rất nhiều chứ không phải thọ dụng tri túc. Như vậy thì chính Đức Phật đã không làm theo những lời mà Ngài dạy?”.

Khi ấy Tôn Giả Nāgasena đã trả lời cho vua

Milanda rằng:

“Đức Phật là người đã hoàn thành xong tất cả các nhiệm vụ, Ngài đã hoàn thành xong tất cả các Pháp thực hành. Do bởi lòng bi mẫn đối với những chúng sanh khác nên Ngài đã thọ dụng. Tuy nhiên đối với các hàng đệ tử của Ngài thì sẽ không thể nào có thể đem so sánh với Đức Phật được”.

63.

**Atirekapatto dhāreyyo, dasāhaparamam sako;
Kappo nissaggiyo hoti, tasmim kāletināmite.**

Atirekapatto = *extra bowl*: Bình bát dư.

dhāreyyo = *can keep*: Có thể giữ.

dasāhaparamam = *10 days at the outmost*: Được phép giữ tối đa là mười ngày không cần chú nguyện (adhittāna) hay không cần phải chia sẻ quyền sở hữu (vikappana).

sako = *one's own*: Của bản thân vị Tỳ-kheo đó.

Kappo = *made by suitable material*: Làm từ những vật liệu hợp luật.

nissaggiyo = *bowl what ought to be rejected or abandoned*: Nếu bình bát giữ quá mười ngày thì bình bát ấy phải được xả bỏ.

hoti = *to be*: Phải được.

tasmim kale(a)tināmite = *when that 10 days are passed*: Khi quá mười ngày.

Đây là trường hợp đối với một vị Tỷ-kheo quên không làm vikappana (chia sẻ quyền sở hữu) mà lại giữ bình bát quá mười ngày thì bình bát ấy phải bị xả bỏ.

65.

**Pattam na paṭisāmeyya, sodakam na ca otape;
Uṇhe na nidahe bhumyā, na ṭhape no ca
laggaye.**

Trong câu kệ này có dạy chúng ta về những trường hợp bình bát bị mất chú nguyện cũng

giống với trường hợp về civara - y. Đối với trường hợp y bị mất chú nguyện khi bị thủng một lỗ to hơn ngón tay út. Còn đối với bình bát nếu bị thủng một lỗ to hơn một hạt cơm nhỏ nhất thì bình bát ấy sẽ bị mất chú nguyện, bởi vì hạt cơm ấy có thể lọt ra khỏi bình bát. Cái lỗ thủng ấy được tính từ hai lóng tay từ miệng bát trở xuống. Bình bát chỉ được tính là bình bát khi nó đã được chú nguyện. Đối với bình bát sắt thì phải đốt tối thiểu là năm lần nhằm mục đích làm cho cái bát ấy trở thành màu đen. Ngày xưa có một số vị trưởng lão ở Mandalay nghĩ rằng mục đích đốt bát là để chúng trở thành màu đen nên các Ngài đã sử dụng nhựa cây để bôi lên trên cho nó trở thành màu đen để không cần phải đốt đi đốt lại nữa. Nhưng thực tế thì không phải, bắt buộc phải đốt chứ không đơn giản để cái bát trở thành màu đen nữa.

Tại Pa Auk Tawya thì bình bát buộc phải đốt trước sau đó mới được sử dụng. Đầu tiên khi đốt bát sẽ giúp làm sạch bát sắt đó. Tiếp theo sẽ thoa một lớp dầu mè lên để đốt. Có nhiều người thắc mắc một số câu hỏi rằng: "Chỗ nào ở trong chánh

tạng nói phải sử dụng dầu mè bôi lên và đốt để trở thành bát đen?" Nếu không thoa lớp dầu mè lên để đốt thì bát sẽ không thể nào trở thành màu đen mà thay vào đó sẽ là màu vàng. Trong một số quyển sách Tiếng Miến Điện có nói về việc thoa dầu mè lên và đốt thì bát sẽ trở thành màu đen. Đây cũng là truyền thống nên các Ngài đã dùng dầu mè thoa lên để đốt bát. Khi đốt bát thì phải thoa đều dầu mè ở bên trong lẫn bên ngoài và đốt. Nghĩa rằng một bình bát phải được đốt 5 lần sau đó mới được đem đi Adhiṭṭhāna - Chú nguyện.

Pattam = *bowl*: Bình bát.

na paṭisāmeyya = *should not keep away*: Không được giữ xa.

sodakam = *wet/containing water*: Âm ướt, chứa nước.

na ca otape = *should not dry under the sunshine*: Không được phơi dưới nắng.

Unhe = *under the hot sunshine*: Dưới nắng nóng.

na nidahe = *should not put long time*: Không được để lâu.

Phần này có nói về việc bình bát không được phép đem đi cất giữ khi nó vẫn còn ẩm ướt và đem phơi dưới nắng. Nghĩa rằng sau khi rửa bình bát xong thì vị Tỳ-kheo phải sử dụng một tấm khăn để lau bình bát sau đó mới được phép đem ra phơi nắng cho khô hẳn.

Có hai mục đích để phơi bình bát dưới ánh nắng:

- Thứ nhất là làm cho bình bát khô và tất cả những hơi ẩm ở trong bình bát sẽ được bốc hơi.
- Thứ hai là để cho tất cả mùi vật thực trong bát ấy được bay hết.

Thêm nữa là không được để bình bát quá lâu dưới nắng nóng.

Thời bây giờ thì chúng ta thường sử dụng bàn chải và kem đánh răng để vệ sinh răng.

Nhưng có một truyền thống nữa đối với các vị Trưởng Lão thời xưa mà bây giờ vẫn có các vị Tỳ-kheo ở bên Tích Lan - Srilanka vẫn sử dụng đó là:

Sau khi đã thọ dụng và xúc miệng xong thì các Ngài dùng cành cây nhỏ có hai đầu để sử dụng, một đầu thì họ cắn ra để chà răng còn đầu còn lại thì dùng để xỉa răng và cuối cùng là các vị sẽ đem bát đi cất.

Bây giờ các vị Tỳ-kheo vẫn phải tiếp tục làm theo các bước như vậy, sau khi thọ dụng xong vật sẽ xúc miệng, chà răng và đem bình bát vào cất chứ không được phép để bình bát phơi quá lâu ngoài nắng nóng.

bhomyā = *on the earth/ground*: Trên đất/ mặt đất

na ṭhape = *should not put without bowl-stand or*

floor-sheet: Không được đặt bình bát dưới đất mà không có đế bát hoặc miếng lót sàn.

no ca laggaye = *should not put hanging/ attaching to elephant-tusk-hook etc*: Không được phép treo hoặc máng bình bát vào bất cứ cái gì, ví dụ: đỉnh hay ngà con voi v.v..

66.

Midḍhante paribhaṇḍante, añke vā ātapattake;

Pādesu mañcapīṭhe vā, ṭhapetum na ca kappati.

Có những nơi không được phép, không thích hợp để đặt cất bình bát:

Midḍhante = *inside the edge at the bottom of the wall*: Cạnh phía trong của chân tường.

paribhaṇḍante = *outside the edge at the bottom of the wall without bowl-stand*: Cạnh phía ngoài của chân tường mà không có đế bát.

añke vā = *on the lap*: Đặt trên đùi. Giống như laptop được đặt trên đùi nhưng với bình bát thì không được phép đặt trên đùi bởi vì sẽ rất dễ bị rơi vỡ.

Có một số vị Tỳ-kheo nói rằng nếu để bình bát ở trên đùi sẽ dễ thọ thực hơn. Trường hợp có thể đặt trên đùi khi vị ấy lấy một tay nắm giữ bình bát vì nếu đứng lên thì một tay của vị Tỳ-kheo vẫn giữ bình bát nên bát sẽ không bị rơi xuống. Tại Pa Auk Tawya thì Ngài Đại trưởng lão Pa Auk Sayadawgyi dạy các vị Tỳ-kheo là đặt bát trên đế bát để thọ thực. Nếu đế bát của tháp thì vị Tỳ-kheo có thể sử dụng đế bát cao hơn.

ātapattake = *on sunshade; umbrella*: Trên tấm che nắng, dù (ô).

Pādesu = *on the legs*: Trên chân.

mañcapīṭhe vā = *on the beds and chair*: Trên giường và ghế.

ṭhapetum = *to be placed*: Đặt lên trên.

na ca kappati = *also not proper*: Cũng không hợp luật.

Lý do không được phép đặt bình bát trên giường hay ghế là bởi vị Tỳ-kheo có thể quên và sẽ có thể nằm lên, ngồi lên làm vỡ bát.

Chính vì vậy các Ngài Sayadaw thời xưa thường cất bình bát ở dưới gầm giường chứ không để ở trên giường. Trong Visuddhimagga - Thanh Tịnh đạo có nói về câu chuyện của một Ngài trưởng lão. Khi ấy Ngài đang ở trong cốc và dùng thiên nhĩ thông nghe được tiếng của cô thí chủ đang chuẩn bị những vật thực hảo hạng để đem đến cúng dường cho Ngài. Vì có thiên nhĩ thông nên Ngài đã nghe và biết được cô thí chủ nữ này thường thọ dụng những vật thực rất nghèo nàn nhưng khi cúng dường lại cúng những vật thực hảo hạng đến Ngài. Khi ấy dù đã lâm y và ôm bình bát rồi nhưng Ngài đã đổi ý và không đi bát nữa. Ngài nguyện sẽ không đi bát cho đến khi nào chúng được đạo quả A-la-hán để trả ơn cô gái ấy. Sau đó Ngài quay trở lại giường ngồi thiền và đặt bát ở dưới gầm giường. Rất may mắn thì khi đó

Ngài đã chứng được đạo quả trước giờ trưa nên
Ngài đã kịp giờ đi bát.

67.

**Na nīhareyya ucchiṭṭho-dakañca
calakaṭṭhikaṃ;**

**Pattena pattahattho vā, kavāṭaṃ na
paṇāmaye.**

Trong câu kệ này nói rằng:

Na nīhareyya = *should not takes out*: Không
được đổ ra.

ucchiṭṭho-dakañca = *mukha-vikkhālanodakaṃ
impure/thrown out water after washing the
mouth*: Trong phụ chú giải có nói đây là nước sau
khi súc miệng hoặc nước không sạch. Do vậy
bình bát không được phép để lấy hay dùng để đổ
những nước không sạch.

Calaka-(a)ṭṭhikaṃ = *left over food such as seed,
fruit, fish bone, meat bone etc*: Không được phép

bỏ vào bình bát những vật thực dư thừa như hạt, trái cây, xương cá, xương thịt v.v.. để đem đi đổ.

Chúng ta có thể sử dụng nắp bát để bỏ vào đó những vật thực dư rồi đem đi đổ.

Pattena = *by bowl*: Bằng bình bát

Không được phép dùng bình bát đựng những vật thực dư hay nước súc miệng để đem đi đổ. Một số người nghĩ rằng khi rửa tay thì có thể để nước ấy rơi xuống bình bát. Nhưng thực tế là khi rửa tay thì phải đặt bình bát ở chỗ khác chứ không được để bình bát ở dưới chỗ rửa tay, bởi vì như vậy nước rửa tay sau đó sẽ chảy ngược vào bình bát. Điều này là không được phép.

pattahattho vā, = *bowl-holding bhikkhu without using bowl-bag on the shoulder*: Vị Tỷ-kheo ôm bình bát không dùng áo bát khoác trên vai.

kavāṭam = *window; the shutters of a door*: Cửa sổ; khoá cửa.

na paṇāmaye = *should not push/touch/open*:
Không được đẩy, chạm, mở.

Khi một vị Tỳ-kheo ôm bình bát nhưng không dùng áo bát khoác trên vai thì khi ấy thì vị này không được phép mở cửa sổ, cửa chính, không được đẩy hay chạm vào cửa. Chính vì vậy vị Tỳ-kheo phải chuẩn bị đế bát ở cạnh cửa vì khi muốn mở cửa thì vị ấy có thể đặt bình bát nằm trên đế bát ở dưới đất. Tại sao Đức Phật dạy như vậy? Bởi vì nếu vị Tỳ-kheo một tay ôm bình bát còn một tay dùng để mở cửa thì rất dễ làm trượt hoặc rơi bình bát. Nếu bát được làm bằng chất liệu đất sét hay sành thì rất dễ bị vỡ.

68.

**Bhūmiādhārake dārudaṇḍādhāre susajjite;
Duve patte ṭhapeyyekaṃ, nikkujjitvāna
bhūmiyaṃ.**

Bhūmiādhārake = *on bowl-stand at the ground or floor*: Trên đế bát, trên nền hoặc sàn.

dāruḍaṇḍādhāre susajjite = *on well arranged piece of wood/sticks*: Trên miếng gỗ, que được khéo sắp xếp.

Câu kệ này nói về ở trên đế bát, trên sàn, trên miếng gỗ được khéo sắp xếp thì những que hay miếng gỗ được khéo sắp xếp đó cũng sẽ tương đương như đế bát. Tỳ-kheo có thể để một bình bát hoặc hai bình bát ở trên cùng một đế bát.



May keep two bowls on one bowl stand.
Có thể đặt hai bình bát trên một đế bát.

Duve patte = *two bowl*: Hai bình bát.

Thapeyy(a) = *may keep*: Có thể giữ.

Nếu trường hợp không có đế bát thì phải làm sao?

ekaṃ = *one bowl*: Một bình bát

nikkujjitvāna = *having turned upside down*: Lật ngược xuống.

bhūmiyaṃ = *on the ground with floor-sheet*: Trên mặt nền có tấm trải nền.

Bình bát phải lật ngược, lật úp xuống trên mặt sàn có tấm trải, nếu không có tấm trải sàn thì không được phép úp ngược bát xuống. Nếu trường hợp một vị Tỷ-kheo muốn giữ cả hai bình bát úp ngược xuống thì một bình bát phải úp xuống mặt sàn và bình bát còn lại phải úp lên trên bình bát kia như trong hình.



May keep a bowl having turned upside down on the ground with floor-sheet.

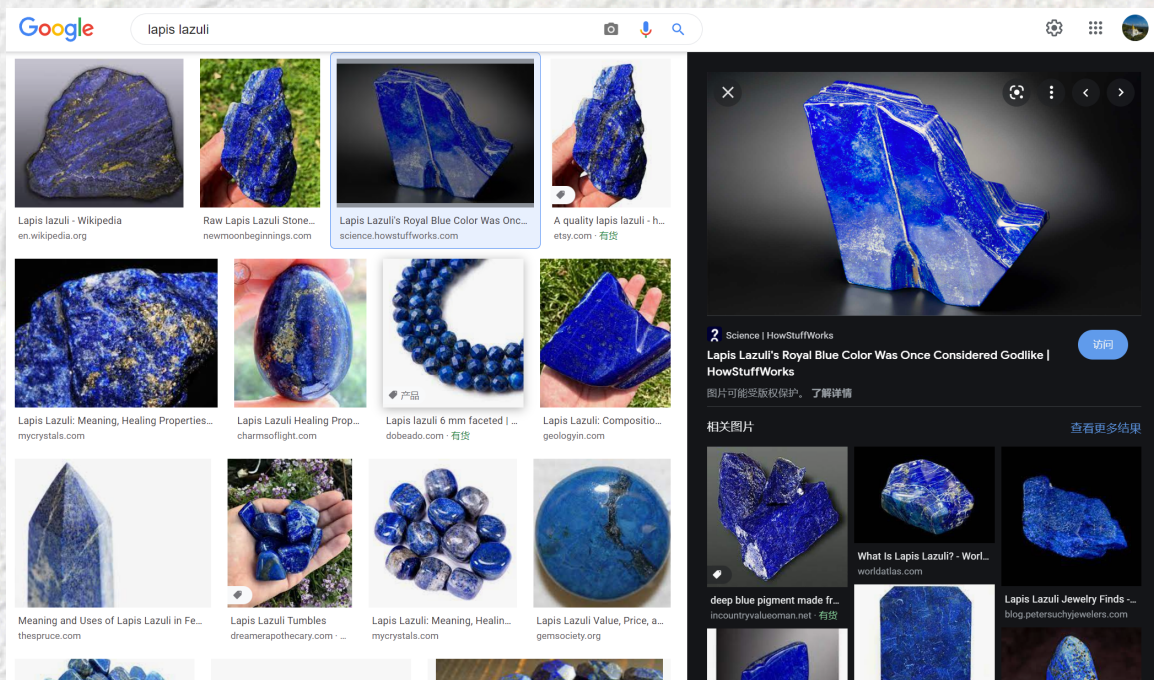
Có thể đặt hai bình bát úp ngược trên mặt nền có tấm trải nền

69.

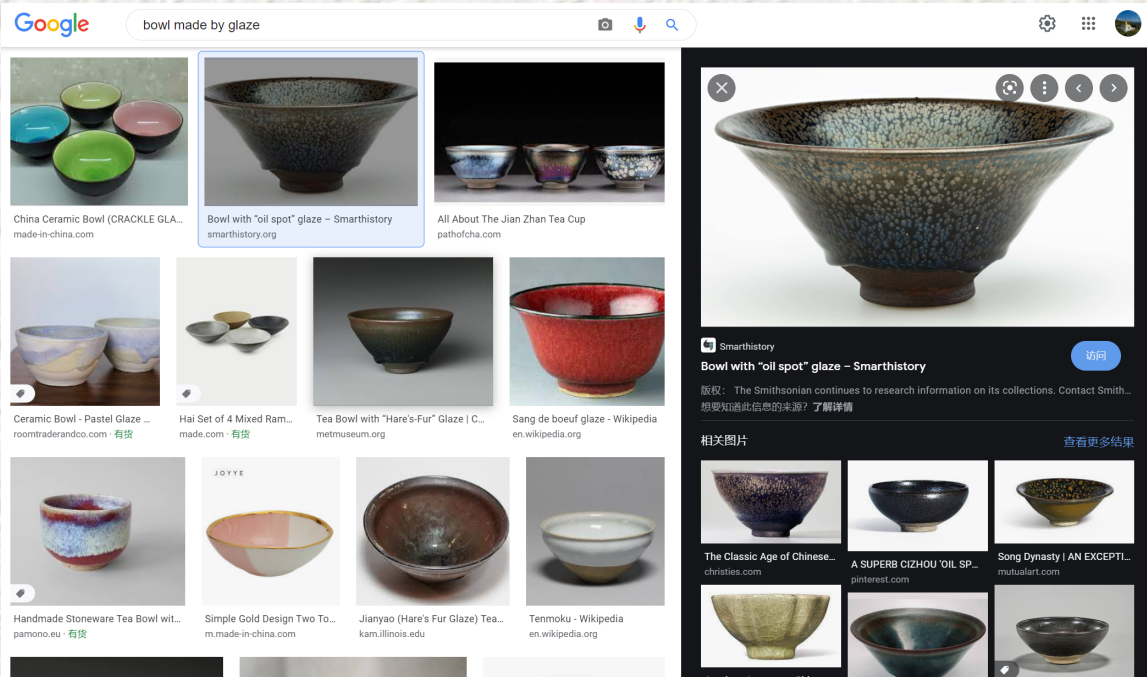
**Dārurūpiyasovaṇṇa-maṇiveḷuriyāmayā;
Kaṃsakācatipusīsaphalikātambalohajā.**

Có tất cả 14 loại bình bát không hợp luật và là nguyên nhân gây nên tội Dukkata āpatti - tác ác.

1. **Dāru** = *bowl made by wood*: Bình bát làm bằng gỗ.
2. **Rūpiya** = *bowl made by silver*: Bình bát làm bằng bạc.
3. **sovaṇṇa-** = *bowl made by gold*: Bình bát làm bằng vàng.
4. **Maṇi** = *bowl made by gem*: Bình bát làm bằng ngọc, vật báu.



5. **veḷuriyāmayā** = *bowl made by lapis lazuli*: Bình bát làm bằng đá lapis lazuli, còn có tên gọi khác là đá ngọc xanh da trời.



6. **Kaṃsa** = *bowl made by bronze*: Bình bát làm bằng đồng thau (chất liệu được làm bằng đồng và thiếc trộn lẫn với nhau).

7. **Kāca** = *bowl made by glaze*: Bình bát làm bằng gốm trắng men. Người ta có thể sử dụng bình gốm lớn trắng men để chứa nước, gạo..v.v, rất nhiều công dụng.

8. **Tipu** = *bowl made by white lead, tin*: Bình bát làm bằng chì trắng, thiếc.
9. **Sīsa** = *bowl made by black lead*: Bình bát làm bằng chì đen.
10. **Phalikā** = *bowl made by crystal*: Bình bát làm bằng pha lê.
11. **tambalohajā** = *bowl made by copper*: Bình bát làm bằng đồng.

70.

**Chavasīsamayo cāpi, ghaṭitumbakaṭāhajā;
Pattā akappiyā sabbe, vuttā
dukkaṭavattukāti.**

12. **Chavasīsamayo cāpi** = *bowl made by dead person's skull, and*: Bình bát làm bằng sọ người. Thời ngày xưa có thể có những vị Tỷ-kheo lấy sọ người ở nghĩa địa để làm bình bát.

13. **Ghaṭī-** = *bowl made by pot*: Bình bát làm bằng bình, hũ, vại.

14. **tumbakaṭāhajā** = *bowl made by calabash or gourd*: Bình bát làm từ vỏ của quả bầu hay quả bí.

14 LOẠI BÌNH BÁT KHÔNG HỢP LUẬT

1. DĀRU = BOWL MADE BY WOOD: BÌNH BÁT LÀM BẰNG GỖ.

2. RŪPIYA = BOWL MADE BY SILVER: BÌNH BÁT LÀM BẰNG BẠC.

3. SOVAṆṆA- = BOWL MADE BY GOLD: BÌNH BÁT LÀM BẰNG VÀNG.

4. MAṆI = BOWL MADE BY GEM: BÌNH BÁT LÀM BẰNG NGỌC, VẬT BÁU.

5. VEḶURIYĀMAYĀ = BOWL MADE BY LAPIS LAZULI: BÌNH BÁT LÀM BẰNG ĐÁ LAPIS LAZULI, CÒN CÓ TÊN GỌI KHÁC LÀ ĐÁ NGỌC XANH DA TRỜI.

6. KAṂSA = BOWL MADE BY BRONZE: BÌNH BÁT LÀM BẰNG ĐỒNG THAU (CHẤT LIỆU ĐƯỢC LÀM BẰNG ĐỒNG VÀ THIẾC TRỘN LẤN VỚI NHAU).

7. KĀCA = BOWL MADE BY GLAZE: BÌNH BÁT LÀM BẰNG GÓM TRẮNG MEN. NGƯỜI TA CÓ THỂ SỬ DỤNG BÌNH GÓM LỚN TRẮNG MEN ĐỂ CHỨA NƯỚC, GẠO..V.V, RẤT NHIỀU CÔNG DỤNG.

8. TIPU = BOWL MADE BY WHITE LEAD, TIN: BÌNH BÁT LÀM BẰNG CHÌ TRẮNG, THIẾC.

9. SĪSA = BOWL MADE BY BLACK LEAD: BÌNH BÁT LÀM BẰNG CHÌ ĐEN.

10. PHALIKĀ = BOWL MADE BY CRYSTAL: BÌNH BÁT LÀM BẰNG PHA LÊ.

11. TAMBALOHĀJĀ = BOWL MADE BY COPPER: BÌNH BÁT LÀM BẰNG ĐỒNG.

12. CHAVASĪSAMAYO CĀPI = BOWL MADE BY DEAD PERSON'S SKULL, AND: BÌNH BÁT LÀM BẰNG SỌ NGƯỜI. THỜI NGÀY XƯA CÓ THỂ CÓ NHỮNG VỊ TỶ-KHEO LẤY SỌ NGƯỜI Ở NGHĨA ĐỊA ĐỂ LÀM BÌNH BÁT.

13. GHAṬĪ- = BOWL MADE BY POT: BÌNH BÁT LÀM BẰNG BÌNH, HỮ, VẠI.

14. TUMBAKAṬĀHAJĀ = BOWL MADE BY CALABASH OR GOURD: BÌNH BÁT LÀM TỪ VỎ CỦA QUẢ BẦU HAY QUẢ BÍ.

Pattā = *bowls*: Các bình bát.

akappiyā = *Not proper*: Không được phép.

sabbe = *all 14 bowls*: Tất cả 14 bình bát.

vuttā = *are said*: Như đã nói.

Dukkaṭavattukā(i)ti = *as the ground/causes of Dukkaṭa-āpatti*: Là nền móng, nguyên nhân của tội Dukkaṭa āpatti - tác ác.

Tất cả 14 loại bình bát được kể ở bên nếu sử dụng sẽ là nguyên nhân gây nên tội tác ác.

Bài hôm nay chúng ta đã học xong về **Chương Pattaniddeso - Bình Bát**. Hẹn gặp lại tất cả trong bài giảng lần sau.

Sādhu! Sādhu! Sādhu!

Idaṃ me puññaṃ āsavakkhayā'vahaṃ hotu.
Idaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu.

Phước lành này của chúng con, nguyện đoạn trừ
các lậu hoặc - trầm luân.

Phước lành này của chúng con, nguyện là duyên
thành tựu được Niết bàn.

Mama puññabhāgaṃ sabbasattānaṃ bhājemi;
Te sabbe me samaṃ puññabhāgaṃ labhantu.

Phần phước của chúng con, xin chia đều đến tất
cả sanh linh, Mong tất cả hãy thọ nhận phần
phước ấy được đều nhau.

Sādhu! Sādhu! Sādhu!